

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

15/01/2017

15/01/2017

15/01/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Đỗ Nghĩa	Thành viên
Bà Chu Thị Chung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2009)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2009)
Bà Đinh Thị Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2009)
Ông Nguyễn Đức Thiện	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2009)
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2009)
Ông Trần Kiên Hân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2009 và miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 11 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2010



Số. 177 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến


Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám Đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 8 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MÃ B 01-ĐN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.494.828.112	29.804.447.039
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.053.940.395	14.589.526.362
1. Tiền	111		12.053.940.395	1.864.088.543
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	12.725.437.819
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	7.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.968.120.773	4.013.030.387
1. Phải thu khách hàng	131		23.774.509.912	3.834.235.264
2. Trả trước cho người bán	132		8.460.000	-
3. Các khoản phải thu khác	135		1.185.150.861	178.795.123
IV. Hàng tồn kho	140	7	372.266.944	168.907.978
1. Hàng tồn kho	141		372.266.944	168.907.978
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		100.500.000	1.032.982.312
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	434.700.893
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	436.102.419
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		100.500.000	162.179.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.392.402.889	67.616.249.177
I. Tài sản cố định	220		104.474.454.436	66.223.222.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	103.830.519.854	62.837.483.218
- Nguyên giá	222		114.094.620.446	65.148.563.414
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.264.100.592)	(2.311.080.196)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	18.707.535	25.510.275
- Nguyên giá	228		34.013.700	34.013.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.306.165)	(8.503.425)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	625.227.047	3.360.229.408
II. Tài sản dài hạn khác	260		917.948.453	1.393.026.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	395.943.215	663.799.026
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	391.955.238	599.177.250
3. Tài sản dài hạn khác	268		130.050.000	130.050.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			173.887.231.001	97.420.696.216

Bảng cân đối kế toán theo từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		100.616.557.796	36.381.788.763
I. Nợ ngắn hạn	310		50.566.217.622	14.700.464.862
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	24.232.938.009	-
2. Phải trả người bán	312		20.336.353.681	8.362.770.832
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	801.416.056	55.235.531
4. Phải trả người lao động	315		1.854.262.785	333.398.726
5. Chi phí phải trả	316		2.867.364.133	4.722.334.133
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		473.882.958	1.226.725.640
II. Nợ dài hạn	330		50.050.340.174	21.681.323.901
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	49.976.408.102	21.556.941.201
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		73.932.072	124.382.700
B. NGUỒN VỐN	400		73.270.673.205	61.038.907.453
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	73.270.673.205	61.038.907.453
1. Vốn điều lệ	411		67.200.000.000	67.200.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	420		6.070.673.205	(6.161.092.547)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173.887.231.001	97.420.696.216



Đặng Văn Vinh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 3 năm 2010

Lê Thị Thu Giang
 Kế toán trưởng

61/20
 CHU
 CỎ
 BACH/OF
 DEL
 VIỆ
 (TP.
 CNG VIỆ

10/1/2010 (10/1/2010)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu gộp	01		75.687.354.269	7.866.382.436
2. Doanh thu thuần	10		75.687.354.269	7.866.382.436
3. Giá vốn hàng bán	11		(50.606.568.004)	(7.102.101.957)
4. Lợi nhuận gộp	20		25.080.786.265	764.280.479
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.092.605.022	1.504.989.426
6. Chi phí tài chính	22	18	(4.087.516.484)	(1.260.335.881)
7. Chi phí bán hàng	24		(1.931.392.315)	(1.757.271.060)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7.603.527.162)	(4.101.476.384)
9. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		13.550.955.326	(4.849.813.420)
10. Thu nhập khác	31		-	128.895.369
11. Chi phí khác	32		(1.111.967.562)	(350.663.413)
12. Lỗ khác	40		(1.111.967.562)	(221.768.044)
13. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		12.438.987.764	(5.071.581.464)
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	19	-	-
15. Chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	12	(207.222.012)	599.177.250
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	60		12.231.765.752	(4.472.404.214)
17. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu	70	20	<u>1.820</u>	<u>(666)</u>



Đặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2010

Lê Thị Thu Giang
Kế toán trưởng

122-C/1
PH
TY
NGUHAN
TTE
NAM
MOD
CNG-VN

122-C/1
PH
TY
NGUHAN
TTE
NAM
MOD
CNG-VN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	12.438.987.764	(5.071.581.464)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.959.823.136	2.272.007.131
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	370.664.168	45.000.563
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.075.542.326)	(1.405.063.454)
Chi phí lãi vay	06	4.299.545.118	1.148.482.417
3. Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.993.477.860	(3.011.154.807)
Tăng các khoản phải thu	09	(17.201.739.485)	(14.312.560.701)
Tăng hàng tồn kho	10	(203.358.966)	(163.466.978)
Tăng các khoản phải trả	11	2.763.479.671	21.072.825.212
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	702.556.704	(970.588.829)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.299.545.118)	(1.095.538.372)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	61.679.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(265.605.931)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.816.549.666	1.253.909.594
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(37.392.170.219)	(74.228.031.927)
2. Thu lãi tiền gửi	27	1.758.293.844	1.405.063.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.633.876.375)	(72.822.968.473)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Nhận vốn góp của cổ đông	31	-	53.629.680.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	80.073.451.193	26.495.007.169
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.793.042.430)	(4.993.741.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	52.280.408.763	75.130.945.669
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	21.463.082.054	3.561.886.790
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.589.526.362	11.016.964.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.331.979	10.674.969
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	36.053.940.395	14.589.526.362

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định không bao gồm số tiền 8.818.884.452 đồng (năm 2008: 7.070.020.449 đồng), là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.



Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2010

Lê Thị Thu Giang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Các cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (sở hữu 27,00% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 34,02% vốn điều lệ), được thành lập tại Việt Nam và IEV Energy SDN.BHD (sở hữu 12,00% vốn điều lệ), được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 26,98% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 104 người (năm 2008: 82 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LNG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cài tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG và LNG.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.



